

Số: /2025/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2014/QH13; Luật số 12/2022/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế tài nguyên được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2016/TT-BTC, Thông tư số 174/2016/TT-BTC, Thông tư số 41/2024/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2020/TT-BTC, Thông tư số 41/2024/TT-BTC;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2824/TTr-STC ngày 14/10/2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Thuế suất và các quy định liên quan đến việc thu thuế tài nguyên thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh và cơ quan liên quan:

a) Hàng năm, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên phù hợp với biến động của thị trường và Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành;

b) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 41/2024/TT-BTC ngày 20/5/2024 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, rà soát các tài nguyên có phát sinh khai thác trên địa bàn tỉnh thuộc diện chịu thuế tài nguyên, kịp thời thông báo cho Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung giá tính thuế tài nguyên đảm bảo phù hợp.

3. Thuế tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, các tổ chức, cá nhân có chức năng hoạt động kinh doanh liên quan đến tài nguyên trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm việc đăng ký, kê khai, nộp thuế tài nguyên theo quy định tại Quyết định này;

b) Trong quá trình thực hiện thu thuế tài nguyên mà phát sinh trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính thuế tài nguyên thì Thuế tỉnh thông báo cho Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

c) Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 03/01/2025 ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước Khu vực V; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP5. (Hà)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chức